

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HS-ST

Ngày 17-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Sáu

Bà Đỗ Thị Thương Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Việt Phú - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 126/2024/TLST-HS ngày 19/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST - HS ngày 07/01/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Ngọc B**, sinh năm 2000 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở tạm trú: Tổ 4, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Ngọc L và bà Dương Thị H; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cho B lĩnh từ ngày 11/10/2024, đến ngày 03/01/2025 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện B đến nay. **Có mặt.**

Bị hại: Ông **Trần Đ**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. **Có mặt.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. **Có mặt.**

2. Anh Phạm Ngọc L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. **Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.**

3. Bà Bùi Thị Lý, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. **Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc B và Lê Tấn D là bạn bè quen biết nhau. Khoảng 20 giờ ngày 13/3/2024, B đến nhà của D tại thôn 10, xã L, huyện B chơi, đến rạng sáng ngày 14/3/2024 B rủ D cùng nhau tìm nhà người dân sơ hở để trộm cắp tài sản, D đồng ý và dùng xe mô tô mang biển số 49V4-5542 (*xe của D*) chở B đi vào vườn của các hộ dân thuộc thôn 10, xã L, huyện B, khi đến khu vực vườn cà phê của ông Trần Đ thì dừng xe. Thấy trong vườn có 01 căn chòi đang sáng đèn, cách chỗ D dừng xe khoảng 120m. D nói với B ở ngoài xe đợi, còn D một mình tiến lại gần chòi để kiểm tra xem có ai ở trong chòi và có tài sản gì không. Khi đến chòi D phát hiện cửa chính của chòi đã khóa ở bên trong và không có người trông coi, D dùng tay gạt khung sắt cửa thông gió thì khung sắt bung ra rồi theo đường thông gió chui vào trong chòi, D kiểm tra các bao để trong chòi phát hiện bên trong đều chứa quả Hồ Tiêu khô (Tiêu). D mở cửa hông chòi thì thấy gần cửa hông có 01 cái xe đẩy, D quay vào gian trên của chòi lấy 02 bao Tiêu cột miệng lại rồi vác từng bao để lên xe đẩy. D đẩy 02 bao Tiêu đến khu vực suối trong vườn cà phê của ông Huỳnh Tiến D (*cách chòi của ông Trần Đ khoảng 400 mét*) cất giấu và để xe đẩy tại đây. Sau đó, D đi bộ đến vị trí B đang đợi trước đó, D điều khiển xe mô tô chở B đến chòi ông Đức để cùng lấy Tiêu. Khi đến chòi, cả hai đi vào theo lối cửa hông, D cho B biết “*ở trên còn một bao*” nên B đi lên gian trên của chòi vác 01 bao Tiêu ra ngoài sân, sau đó B xuống gian dưới của chòi vác thêm 01 bao Tiêu, D cũng vác được 02 bao Tiêu ra ngoài. Trong lúc trộm Tiêu, D và B thấy 01 chiếc xe mô tô dạng Dream màu nâu, biển số 49V7-1651 đang để ở gian dưới của chòi nên cả hai trộm cắp chiếc xe này. B dắt chiếc xe trên ra ngoài sân, D và B chất lên mỗi xe 02 bao Tiêu, D bẻ gãy biển số xe 49V7-1651 vứt ở khu vực trước chòi của ông Đức, sau đó D điều khiển xe mô tô 49V4-5542, còn B điều khiển xe mô tô không biển số (*xe này D bẻ biển số vứt tại chòi ông Đức*) đi về hướng xã Tân Lâm, huyện D tìm địa điểm thu mua Tiêu để bán.

Khoảng 07 giờ sáng ngày 14/3/2024, B và D sử dụng 02 xe mô tô biển số 49V7-1651 và 49V4-5542 chở 04 bao Tiêu trên có tổng khối lượng 140,5kg đến điểm thu mua Tiêu của ông Nguyễn Văn T ở thôn 4, xã T, huyện D để bán. Ông Tăng mua số Tiêu này với giá tiền 93.000 đồng/kg rồi đưa cho D 13.070.000 đồng, D và B chia đôi số tiền trên mỗi người được 6.535.000 đồng. Trên đường về, xe mô tô trộm cắp bị thùng xăng nên D ghé vào tiệm sửa xe của ông Phạm Ngọc L để sửa và hẹn quay lại lấy sau. Đến ngày 18/3/2024, Lê Tấn D đến Công an xã L đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ gồm:

- Tại nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn 4, xã T, huyện D 04 bao có trọng lượng 133,1kg Tiêu;
- 02 bao Tiêu có tổng trọng lượng 71,5kg tại vườn của ông Huỳnh Tiến Dũng.
- 01 biển số xe mô tô số 49V7-1651 nền màu trắng, chữ và số màu đen tại vườn cà phê của ông Trần Đ (*do D bẻ biển số vứt lại*).
- Thu giữ 01 xe mô tô màu nâu, không biển kiểm soát, lốc máy có chữ MEDAL, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348,

xe không có gương, không bửng, tình trạng xe đã cũ ở tiệm sửa xe của ông Phạm Ngọc L tại thôn 4, xã Tân Lâm, huyện D.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu xanh, biển kiểm soát 49V4-5542 đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, là xe mô tô của D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B, kết luận:

- 204,6kg quả Tiêu khô giá trị 19.027.800 đồng (Mười chín triệu không trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm đồng);

- 01 xe gắn máy 02 bánh, màu nâu, không biển kiểm soát, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348 giá trị: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 204,6kg quả Tiêu khô và 01 xe mô tô màu nâu không biển kiểm soát, lốc máy có chữ MEDAL, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348, xe không có gương, không bửng, tình trạng xe đã cũ và 01 biển số xe mô tô số 49V7-1651 nền màu trắng, chữ và số màu đen cho ông Trần Đ là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu xanh, biển kiểm soát 49V4-5542 đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu, là xe mô tô của D đã được xử lý tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Đ đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì; Ông Phạm Ngọc L yêu cầu D phải trả số tiền 606.000 đồng tiền sửa xe ngày 14/3/2024; Ông Nguyễn Văn T yêu cầu D và B trả lại số tiền 13.070.000 đồng tiền mua tiêu; Bà Bùi Thị Lý (mẹ của Lê Tấn D) đã nộp 15.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002726 ngày 25/6/2024 và 5.027.800 đồng theo biên lai thu tiền số 0002748 ngày 01/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B để khắc phục hậu quả và đã được xử lý tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Phan Ngọc B đã hoàn trả số tiền 6.837.500 đồng cho bà Lý, nay bà Lý không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 04/CTr-VKSBL ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Phan Ngọc B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Ngọc B thừa nhận đã thực hiện trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 14/3/2024 ông Tăng mua của bị cáo B và D 04 bao Tiêu có tổng khối lượng 140,5kg với số tiền 13.070.000 đồng, ông Tăng không biết số Tiêu trên do bị cáo B và D trộm cắp mà có. Tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B đã giải quyết buộc bị cáo D phải trả lại số tiền 13.070.000 đồng, nay không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Ngọc B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b,

i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Phan Ngọc B từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Trần Đ đã nhận lại tài sản nay không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu phải trả lại số tiền mua 04 bao Tiêu với số tiền 13.070.000 đồng; Ông Phạm Ngọc L yêu cầu phải trả tiền sửa xe ngày 14/3/2024 nhưng đã được giải quyết tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B; Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã hoàn trả số tiền 6.837.500 đồng cho bà Nguyễn Thị Lý nay bà Lý không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 204,6kg quả Tiêu khô và 01 xe mô tô màu nâu không biển kiểm soát, lốc máy có chữ MEDAL, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348, xe không có gương, không bùng, tình trạng xe đã cũ và 01 biển số xe mô tô số 49V7-1651 nền màu trắng, chữ và số màu đen cho ông Trần Đ là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu xanh, biển kiểm soát 49V4-5542 đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu (*là xe mô tô của D*) nhưng đã được xử lý tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để có cơ hội hoà nhập gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

2.1. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, vào rạng sáng ngày 14/3/2024 bị cáo Phan Ngọc B cùng với Lê Tấn D đã lén lút chiếm đoạt 204,6kg quả Tiêu khô và 01 xe mô tô biển số kiểm soát 49V7-1651 của ông Trần Đ. Theo kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày

22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B đã kết luận: 204,6kg quả Tiêu khô giá trị 19.027.800 đồng và 01 xe mô tô biển số kiểm soát 49V7-1651, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348 giá trị 1.000.000 đồng, tổng cộng 20.027.800 đồng.

Bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam, không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản ghi nhận hiện trường, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo.

2.2. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi của bị cáo Phan Ngọc B đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, cáo trạng số 04/CTr-VKSBL ngày 17/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Phan Ngọc B theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

2.3. Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật B vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, điều đó cho thấy bản thân bị cáo rất coi thường pháp luật. Do vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc hành vi phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật nên cần phải xét xử và áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

2.4. Tuy nhiên, để áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt.

2.5. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú phối hợp với gia đình quản lý, giáo dục một thời gian cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là quá nghiêm khắc.

2.6. Trong vụ án này, đối với Lê Tấn D sau khi phạm tội đã ra đầu thú và đã bị xét xử tại số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B nên không xem xét.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Đ đã nhận lại tài sản nay không yêu cầu gì thêm; Ông Nguyễn Văn T yêu cầu phải trả lại số tiền mua 04 bao Tiêu với số tiền 13.070.000 đồng; Ông Phạm Ngọc L yêu cầu phải trả tiền sửa xe ngày 14/3/2024 nhưng đã được giải quyết tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B; Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã hoàn trả số tiền 6.837.500 đồng cho bà Nguyễn Thị Lý nay bà Lý không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[4] Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại 204,6kg quả Tiêu khô và 01 xe mô tô màu nâu không biển kiểm soát, lốc máy có chữ MEDAL, số khung: VLMDCG074HG102101, số máy: M1P50FMG102348, xe không có gương, không bửng, tình trạng xe đã cũ và 01 biển số xe mô tô số 49V7-1651 nền màu trắng, chữ và số màu đen cho ông Trần Đ là chủ sở hữu hợp pháp; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu xanh, biển kiểm soát 49V4-5542 đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu (là xe mô tô của D) nhưng đã được xử lý tại Bản án số 55/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện B nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên buộc bị cáo Phan Ngọc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Ngọc B** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc B 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phan Ngọc B cho UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phan Ngọc B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện B;
- Bị cáo, và những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Văn Biên